

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2019/DS-PT

Ngày: 20 - 3 - 2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Văn Yên

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2019/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: số 204/2018/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu T1 - sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Nguyễn Hữu T1 là ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1970 (Có mặt).

Cùng cư trú: ấp TH, xã LVL, thành phố CM, tỉnh C.

- Bị đơn: Bà Trần Thị L - sinh năm 1959 (Vắng mặt).

Cư trú: ấp TH, xã T, huyện C, tỉnh C, .

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thùy D – sinh năm 1990.

2. Chị Nguyễn Phương T2 – sinh năm 1992.

3. Anh Nguyễn Bảo Q – sinh năm 1984.

Cùng cư trú: ấp TH, xã T, huyện C, tỉnh C, .

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị L, chị Nguyễn Thùy D, chị Nguyễn Phương T2 và anh Nguyễn Bảo Q: Ông Trần Quốc T3, sinh năm 1966 (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/7/2018 và ngày 24/9/2018, có mặt).

Địa chỉ cư trú: K8, P5, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

4. Ủy ban nhân dân huyện CN, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Phúc G – Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Cái Nước (Vắng mặt)

Đại chỉ: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Quốc K là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Hữu T1 trình bày:

Trước đây ông và ông Nguyễn Thanh Tòng là hai anh em ruột được cha là ông Nguyễn Phong Lưu cho mỗi người 06 công đất tầm lớn tọa lạc tại ấp TH, xã T, huyện C, tỉnh C, . Sau khi canh tác một thời gian thì ông chuyển nhượng 06 công cho ông Tòng nhưng còn lại một phần bờ địa giáp với Quốc lộ 1A không chuyển nhượng, phần đất ông chuyển nhượng cho ông Tòng vẫn còn đứng tên quyền sử dụng cha ông là Nguyễn Phong Lưu. Đến năm 2007 thì ông Tòng chết, bà L và hai con là Nguyễn Thùy D và Nguyễn Phương T2 canh tác đến năm 2011 thì bà L chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng của ông đã chuyển nhượng cho ông Tòng và đất của ông Tòng cho ông Trần Văn Tám thì các anh em không đồng ý, nhưng do bà L đã nhận tiền cọc không có khả năng trả lại nên các anh em của ông đồng ý ký tên từ chối nhận di sản từ ông Lưu để cho bà L chuyển nhượng và bà L sẽ cho con ông K là Nguyễn Hữu T1 phần đất khác giáp sông Tân Hòa có chiều ngang 08 mét, dài hết hậu đất. Bà L tự nguyện cho và có làm giấy cho đất Nguyễn Hữu T1 dưới hình thức là giấy chuyển nhượng đất để dễ tách quyền sử dụng đất, nhưng đến nay bà L không giao đất cho Nguyễn Hữu T1. Nay ông yêu cầu bà L, chị T2 và chị D, anh Nguyễn Bảo Q là con của bà L giao phần đất chiều ngang 08 mét, dài cạnh 69,08 mét và cạnh 69,83 mét, tổng diện tích là 553,3 m² theo đo đạc thực tế, tọa lạc tại ấp TH, xã T, huyện C, tỉnh C, cho Nguyễn Hữu T1.

Bị đơn là bà Trần Thị L trình bày:

Bà thừa nhận lời trình bày của ông K là đúng. Trước đây chồng bà là ông Tòng và ông K được cha mẹ cho mỗi người 06 công đất tầm lớn, sau đó ông K chuyển nhượng hết quyền sử dụng cho ông Tòng là chồng của bà chứ không phải còn cái bờ địa như ông K trình bày. Bà và ông Tòng canh tác đất cho đến năm 2007 thì ông Tòng chết, bà là người thừa kế phần đất của ông Tòng chết để lại. Đến năm 2011 bà mới bán chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất của ông Tòng đứng tên giáp với Quốc lộ 1A cho ông Trần Văn Tám, khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bà có nhờ các anh em bên chồng ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng do phần đất ông K chuyển nhượng quyền sử dụng cho ông Tòng còn đứng tên cha chồng bà là ông Nguyễn Phong Lưu, khi nhờ ông K ký tên thì bà có hứa cho con ông là Nguyễn Hữu T1 một phần đất khác ở giáp sông Tân Hòa có chiều ngang 08 mét, dài đến hết hậu đất. Bà có kêu ông K đến để giao đất nhưng ông K không đến mà còn đòi đi kiện để lấy lại hết đất, ông K và anh T1 đã nhiều lần yêu cầu đối với bà đến UBND xã Thạnh Phú và kiện đến Tòa án nên nay bà không đồng ý cho đất cho anh T1 nữa. Bà có làm giấy chuyển nhượng đất cho

Nguyễn Hữu T1 vào ngày 10/3/2011, nay nếu Nguyễn Hữu T1 giao tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bà sẽ giao đất cho anh T1.

Theo chị Nguyễn Thùy D và chị Nguyễn Phương T2 trình bày: Các Chị thống nhất theo lời trình bày của bà L, không có ý kiến trình bày bổ sung thêm.

Theo ông Trần Quốc T3 trình bày: Ông là người đại diện theo ủy quyền cho bà L, chị D, chị T2 và anh Q cho rằng vào năm 2011 khi các anh, em của ông Tòng ký tên vào giấy không nhận thừa kế phần đất ông Nguyễn Phong Lưu đứng tên thì bà L có hứa cho con ông K là Nguyễn Hữu T1 phần đất khác giáp sông Tân Hòa có chiều ngang 08m, chiều dài đến hết hậu đất, nhưng ông T1 không đến nhận và làm thủ tục tách quyền sử dụng đất mà còn đi khởi kiện đòi hết đất gây mất đoàn kết, không tôn trọng bà L nên bà L và các con bà L không cho đất ông T1 nữa. Ngày 10 – 3 – 2011, bà L có làm giấy chuyển nhượng đất cho anh T1 phần đất ngang 08 mét, dài 75 mét có xác nhận của ấp TH, xã T, huyện C, tỉnh C, . Từ khi làm giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất đến nay anh T1 không có giao tiền mua đất cho bà L, phần đất tranh chấp hiện nay là đất của bà L, do bà L đứng tên quyền sử dụng đất. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của ông K là người đại diện theo ủy quyền cho anh T1 là giao cho anh T1 phần đất có diện tích 553,3 m² theo đo đạc thực tế. Nếu anh T1 muốn sử dụng phần đất tranh chấp thì bà L sẽ chuyển nhượng cho anh T1 theo giá thị trường hiện nay.

Tại bản án sơ thẩm số 204/2018/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 500 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Hữu T1 đối với bà Trần Thị L, chị Nguyễn Thùy D, chị Nguyễn Phương T2 và anh Nguyễn Bảo Q.

Buộc bà Trần Thị L, chị Nguyễn Thùy D, chị Nguyễn Phương T2 và anh Nguyễn Bảo Q giao cho anh Nguyễn Hữu T1 phần đất có diện tích là 553,3 m², tọa lạc tại ấp TH, xã T, huyện C, tỉnh C, . Phần đất có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp với đất ông Nguyễn Thành Trung dài 08 mét;
- Phía Tây giáp với lộ bê tông dài 08 mét;
- Phía Nam giáp với đất ông Nguyễn Trung Nghi dài 69,83 mét;
- Phía Bắc giáp với đất bà Trần Thị L dài 69.08 mét.

Bà Trần Thị L, chị Nguyễn Thùy D, chị Nguyễn Phương T2 và anh Nguyễn Bảo Q và anh Nguyễn Hữu T1 có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục tách thửa, sang tên phần đất đã tặng cho có diện tích 553,3 m² nằm trong phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Thanh Tòng, tại thửa đất 418, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp TH, xã T, huyện C, tỉnh

C, với diện tích 1.660 m² do Ủy ban nhân dân huyện Cái N cấp vào ngày 23 tháng 6 năm 1990.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, đo đạc, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/01/2019 bà Trần Thị L, Nguyễn Thùy D, Nguyễn Phương T2 kháng cáo nội dung: Bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là không chính xác; không tiến hành định giá tài sản là vi phạm tố tụng; Tranh chấp hợp đồng từ ngày 10/3/2011 là hết thời hiệu khởi kiện; Bản án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh Tòng là vượt thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện; không đồng ý với nhận định việc chuyển nhượng của bà L cho trường lái Khang Minh là bà L được hưởng lợi. Đề nghị sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông T1.

Phía bà L tranh luận: Ông K đã chuyển nhượng hết quyền sử dụng đất cho ông Tòng, phần đất vẫn đứng tên cụ Lưu, bà L yêu cầu ông K thực hiện thủ tục để chuyển tên cho bà L, đây là nghĩa vụ của ông K, nếu ông K không ký tên thì bà L sẽ khởi kiện anh em ông K. Sự việc là do ông K không ché, ép bà L nên bà bị áp lực, lúc đầu ông K yêu cầu được chuyển nhượng, sau đó đặt ra vấn đề là chưa chuyển nhượng hết quyền sử dụng đất và anh T1 con ông K không có chỗ ở nên bà L mới đồng ý cho anh T1 đất, do ông K không chịu nhận đất mà lại tranh chấp làm mất đoàn kết nên bà L không đồng ý cho đất anh T1 như đã tự nguyện hứa trước đây.

Ông K tranh luận: Việc phía bà lẹ cho rằng ông không nhận đất là không có căn cứ vì từ thời điểm bà L thống nhất cho đất vào năm 2011, đến năm 2012 bà L vẫn thống nhất giao đất theo biên bản đo đạc phần đất nhưng bà L không tiến hành giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên phía ông K và anh T1 không thể thực hiện được thủ tục để anh T1 đứng tên quyền sử dụng đất. Từ trước đến nay ông không tranh chấp đất gì với bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị L, chị Nguyễn Thùy D, chị Nguyễn Phương T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà L kháng cáo cho rằng quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn là anh Nguyễn Hữu T1 với bị đơn là bà Trần Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thùy D, chị Nguyễn Phương T2 và anh Nguyễn Bảo Q là “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” là không đúng mà phải là “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”. Thấy rằng: Xuất phát từ việc bà L chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn Tám, do nguồn gốc đất của bà L chuyển nhượng còn liên quan đến ông Nguyễn Quốc K và cụ Nguyễn Phong Lưu, để chuyển nhượng được phần đất thì phải có sự đồng ý của ông K và các anh em của ông K nên bà L đã đồng ý cho anh Nguyễn Hữu T1 phần đất ngang 08m, việc tặng cho quyền sử dụng đất cho anh T1 là do bà L tự nguyện, không ai ép buộc. Mặc dù trong hồ sơ thể hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng trong quá trình giải quyết cả hai bên đều thừa nhận có việc tặng cho quyền sử dụng đất nên cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bà L về việc không tiến hành định giá tài sản là vi phạm tố tụng thấy rằng: Mối quan hệ tranh chấp giữa bà L và anh T1 là tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, nếu yêu cầu khởi kiện của anh T1 là có cơ sở thì yêu cầu của anh T1 được chấp nhận và buộc bà L phải thực hiện việc tặng cho là giao quyền sử dụng đất, nếu yêu cầu của anh T1 không có cơ sở thì không chấp nhận. Đối với việc định giá tài sản, chỉ khi nào bà L không còn phần đất để giao thì mới xem xét giá trị của phần đất bao nhiêu để buộc bà L thực hiện nghĩa vụ. Do đó cấp sơ thẩm không tiến hành định giá phần đất tranh chấp cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[3] Đối với kháng cáo của bà L về việc tranh chấp hợp đồng từ ngày 10/3/2011 là hết thời hiệu khởi kiện: Qua xem xét hồ sơ thể hiện quá trình giải quyết vụ án phía bà L không đặt ra vấn đề anh T1 khởi kiện là hết thời hiệu. Tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án,...”*.

Tại Tòa, phía bà L cho rằng do khi cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ pháp luật là “tranh chấp quyền sử dụng đất” nên bà L không đặt ra vấn đề về thời hiệu, xét thấy: Việc xác định mối quan hệ tranh chấp của cấp sơ thẩm vào thời điểm chuẩn bị xét xử nếu không đúng thì phía bà L vẫn có quyền đặt ra tương tự như nội dung phía bà L kháng cáo là “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” và yêu cầu xác định thời hiệu, tuy nhiên vấn đề này phía bà L cũng không đặt ra. Mặt khác, theo quy định tại Điều 155 Bộ luật dân sự thì trường hợp tranh chấp giữa bà L và anh T1 cũng không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó không chấp nhận việc tranh luận của phía bà L cho rằng vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện.

[4] Đối với lý do kháng cáo của bà L cho rằng Bản án sơ thẩm tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh Tòng là vượt thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện. Tại phiên tòa phía bà L cho rằng trong

quyết định của bản án sơ thẩm không có nội dung này nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Do đó hội đồng xét xử không đề cập nội dung này.

[5] Ngoài ra bà L kháng cáo không đồng ý với nhận định việc chuyển nhượng của bà L cho trường lái Khang Minh là bà L được hưởng lợi, đề nghị sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T1. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng: Thực tế bà L cho anh T1 quyền sử dụng đất là nhằm mục đích ông K và các anh em ông K ký tên vào thủ tục để chuyển tên từ cụ Nguyễn Phong Lưu sang tên bà L để bà L chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Tám. Nếu không có điều kiện này thì sẽ phát sinh tranh chấp giữa bà L và ông K và bà L sẽ không thực hiện được thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chính vì lẽ đó cấp sơ thẩm mới nhận định “Việc bà L và các anh, em ông K đã tự nguyện thống nhất thỏa thuận ký tên để tạo điều kiện cho bà L chuyển nhượng đất và hưởng lợi từ thỏa thuận này, bà L và các con bà L tự nguyện cho Nguyễn Hữu T1 phần đất trên, việc ông K và các anh, em ông K thống nhất ký tên không nhận thừa kế từ ông Lưu là thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình làm phát sinh quyền lợi cho bà L và các con bà L nên bà L phải thực hiện nghĩa vụ của mình là thực hiện việc cho đất như đã hứa với anh T1.” Việc nhận định của cấp sơ thẩm là hoàn toàn có cơ sở.

Đối với tranh luận của phía bà L cho rằng bà có yêu cầu ông K nhận đất nhưng ông K không nhận mà tranh chấp với bà gây mất đoàn kết, lời tranh luận của phía bà L là không có cơ sở vì quá trình bà L không giao đất và không thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho anh T1 thì ông K đã yêu cầu đến chính quyền địa phương để yêu cầu bà L thực hiện (BL 04, 09 đến 13), Biên bản ngày 28/8/2012 (BL 09) cũng thể hiện nội dung bà L không đồng ý giao đất, không có nội dung ông K tranh chấp.

[7] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà L, chị D, chị T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Như phân tích trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L, chị D, chị T2 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị L, chị Nguyễn Phương T2, chị Nguyễn Thùy D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 204/2018/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Hữu T1 đối với bà Trần Thị L, chị Nguyễn Thùy D, chị Nguyễn Phương T2 và anh Nguyễn Bảo Q.

Buộc bà Trần Thị L, chị Nguyễn Thùy D, chị Nguyễn Phương T2 và anh Nguyễn Bảo Q giao cho anh Nguyễn Hữu T1 phần đất có diện tích là 553,3 m², tọa lạc tại ấp TH, xã T, huyện C, tỉnh C, . Phần đất có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp với đất ông Nguyễn Thành Trung dài 08 mét;
- Phía Tây giáp với lộ bê tông dài 08 mét;
- Phía Nam giáp với đất ông Nguyễn Trung Nghi dài 69,83 mét;
- Phía Bắc giáp với đất bà Trần Thị L dài 69.08 mét.

Bà Trần Thị L, chị Nguyễn Thùy D, chị Nguyễn Phương T2 và anh Nguyễn Bảo Q và anh Nguyễn Hữu T1 có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục tách thửa, sang tên phần đất đã tặng cho có diện tích 553,3 m² nằm trong phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Thanh Tổng, tại thửa đất 418, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp TH, xã T, huyện C, tỉnh C, với diện tích 1.660 m² do Ủy ban nhân dân huyện Cái N cấp vào ngày 23 tháng 6 năm 1990 có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp với đất ông Nguyễn Thành Trung dài 08 mét;
- Phía Tây giáp với lộ bê tông dài 08 mét;
- Phía Nam giáp với đất ông Nguyễn Trung Nghi dài 69,83 mét;
- Phía Bắc giáp với đất bà Trần Thị L dài 69.08 mét.

Trường hợp gia đình bà Trần Thị L có gây khó khăn trong việc lập thủ tục tách thửa, sang tên thì ông T1 được quyền chủ động đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, làm các thủ tục tách thửa, sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị L, chị Nguyễn Thùy D, chị Nguyễn Phương T2 mỗi người phải chịu án phí là 300.000 đồng. Bà L, chị D, chị T2 mỗi người đã dự nộp 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0005066, 0005065, 0005067 cùng ngày 09/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hà

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Yên

Hồ Minh Tấn

Hoàng Thị Hải Hà

